|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ HUẾ**  Số: /2025/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Huế, ngày tháng năm 2025* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**DỰ THẢO**

**(Lần 1)**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 ban hành theo Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân**

**tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết 03/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết 21/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Huế đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 ban hành theo Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế).*

**Chương I**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/2020/QĐ-UBND NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2020 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (NAY LÀ THÀNH PHỐ HUẾ)**

**Điều 1. Sửa đổi Điều 1 như sau:**

“Quy định này quy định về tiêu chí công nhận; quyền và nghĩa vụ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Huế.

Các nội dung khác không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Trường hợp Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”

**Điều 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:**

“2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận.”

**Điều 3. Sửa đổi Điều 4 như sau:**

“**Điều 4. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3; điểm b khoản 4; khoản 5 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và khoản 1, 2, 3, 5 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

**Điều 4. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:**

“1. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí, được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định, cấp bằng công nhận, được tổ chức lễ công nhận và kèm theo mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước để tổ chức lễ công nhận với mức thưởng như sau:”

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:**

“**Điều 8. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tổ chức chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực làng nghề, ngành nghề nông thôn.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các dự án đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn; tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố.

4. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quy định, kế hoạch bảo vệ môi trường làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao.

5. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu hàng năm, 05 năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân thành phố đưa vào dự toán ngân sách Nhà nước.

6. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; hướng dẫn tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành đến các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

7. Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp để cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho các sở, ngành và địa phương thực hiện.

8. Thẩm định các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định.”

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:**

**“**1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố huy động, cân đối vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí hỗ trợ cho hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định; hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các chính sách, hoạt động phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.”

**Điều 7. Sửa đổi Điều 12 như sau:**

**“Điều 12. Sở Công Thương**

1. Xây dựng, trình ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện tại địa phương. Phối hợp Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công của Bộ Công Thương tổ chức, tham gia các hoạt động bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp. Chủ trì xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình và tổ chức hướng dẫn, thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã ngành Công Thương, làng nghề tiểu thủ công nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức các hội thi về thủ công mỹ nghệ nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ.”

**Điều 8.** **Bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:**

“4. Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống của Ủy ban nhân dân thành phố.”

**Điều 9.** **Sửa đổi Điều 15 như sau:**

**“Điều 15. Sở Văn hóa và Thể thao**

1. Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa dân tộc nghề truyền thống, làng nghề truyền thống qua các sự kiện, chương trình, hoạt động văn hóa trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn về tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc khi có quy định mới ban hành, bổ sung, chỉnh sửa.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn những biểu trưng văn hóa của dân tộc để xây dựng hình ảnh đại diện phục vụ công tác quảng bá.”

**Điều 10.** **Sửa đổi Điều 17 như sau:**

“**Điều 17. Liên minh Hợp tác xã**

Tuyên truyền vận động các đơn vị kinh tế tập thể thực hiện xây dựng phát triển ngành nghề nông thôn. Phối hợp các địa phương và Hội Nông dân thành phố vận động thành lập các hình thức kinh tế tập thể, tham gia xây dựng và củng cố các hợp tác xã, dịch vụ phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố.”

**Điều 11. Sửa đổi khoản 1, 4, 5 Điều 18 như sau:**

**“Điều 18. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn. Giao Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

4. Hàng năm lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đảm bảo hoặc không đảm bảo tiêu chí gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp hoặc thu hồi bằng công nhận.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.”

**Điều 12.** **Sửa đổi Điều 19 như sau:**

“**Điều 19.** Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thành phố Huế; đăng tải nội dung của Quy định trên sóng truyền hình, mạng xã hội để các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thực hiện.”

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:**

**“Điều 20.** Các sở, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện:

* Các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm để phát triển ngành nghề nông thôn;
* Hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động để phát triển ngành nghề nông thôn;
* Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn.
* Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, phối hợp thẩm định đề xuất các chính sách, bố trí nguồn kinh phí hàng năm để hỗ trợ làng nghề, làng nghề truyền thống phát triển.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc khó khăn, các địa phương, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung./.”

**Điều 14. Bãi bỏ các Điều 9, 11, 14 của Quy định ban hành kèm Quyết định 06/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020.**

**Chương II**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM QUAN TRỌNG CẦN KHUYẾN KHÍCH, ƯU TIÊN HỖ TRỢ THỰC HIỆN LIÊN KẾT GẮN SẢN XUẤT VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP VÀ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ LIÊN KẾT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 67/2021/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**(NAY LÀ THÀNH PHỐ HUẾ)**

**Điều 15. Sửa đổi Điều 1 như sau:**

“**Điều 1.** **Quy định các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Huế, giai đoạn 2021-2025***(phụ lục kèm theo)*.”

**Điều 16. Sửa đổi Điều 2 như sau:**

“**Điều 2. Thẩm quyền, trình tự thủ tục phê duyệt hỗ trợ liên kết**

1. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ các dự án/kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết xây dựng để triển khai thực hiện sản xuất cùng lúc một ngành hàng, sản phẩm trên địa bàn của 02 xã, phường trở lên hoặc các dự án có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ 3 tỷ đồng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt hỗ trợ các dự án/kế hoạch liên kết có phạm vi thực hiện giới hạn trong một xã, phường và có tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước dưới 3 tỷ đồng.

3. Về hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết: Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và khoản 6 Điều 39, Điều 40 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

**Điều 17. Sửa đổi Điều 4 như sau:**

“**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu cần điều chỉnh, bổ sung các ngành hàng, sản phẩm ngoài danh mục nêu trên, các địa phương báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.”

**Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Danh mục các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích, ưu tiên được hỗ trợ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP** *(ban hành kèm theo Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - nay là thành phố Huế)* **như sau:** Phụ lục Danh mục ban hành kèm theo.

**CHƯƠNG III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** **Điều khoản thi hành**

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

**Điều 20.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như Điều 20;  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);  - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;  - Thường vụ Thành ủy;  - HĐND, TT HĐND thành phố;  - Ủy ban MTTQVN thành phố;  - CT và các PCT UBND thành phố;  - Các sở, ban, ngành thành phố;  - UBND các xã, phường;  - Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;  - VP: LĐ và các CV: KT, HC-TC, KG-VX;  - Cổng Thông tin điện tử thành phố;  - Công báo thành phố Huế;  - Lưu: VT, NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Hoàng Hải Minh** |

**Phụ lục**

**DANH MỤC CÁC NGÀNH HÀNG, SẢN PHẨM KHUYẾN KHÍCH,**

**ƯU TIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Danh mục** |
| **I** | **Trồng trọt** |
| **1** | **Cây lương thực** |
| 1.1 | Lúa: Giống lúa, lúa thương phẩm nhóm chất lượng *(ưu tiên lúa sản xuất đạt tiêu chuẩn* *VietGAP, hữu cơ và Global AP*). |
| 1.2 | Nếp các loại: Nếp giống, nếp thương phẩm. |
| 1.3 | Ngô: Ngô giống, ngô thương phẩm. |
| **2** | **Cây có bột** |
| 2.1 | Khoai lang. |
| 2.2 | Sắn. |
| **3** | **Cây công nghiệp ngắn ngày** |
| 3.1 | Lạc (đậu phụng): Lạc giống, lạc thương phẩm. |
| **4** | **Cây rau, củ quả:**Các loại rau ăn lá, củ, quả *(sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, hữu cơ).* |
| **5** | **Cây dược liệu:**Theo danh mục 12 loài cây dược liệu ưu tiên phát triển theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề án Phát triển vùng nguyên liệu và các sản phẩm dược liệu gắn với Chương trình mỗi xã một ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030. |
| **6** | **Cây ăn quả:**Chuối, Mít, Thơm, Bưởi (đỏ, cốm, da xanh,…), Thanh Trà, cam, quýt, chanh, sầu riêng. |
| **7** | **Cây khác:** Cây sen. |
| **8** | **Nấm:**Nấm dược liệu, nấm thực phẩm. |
| **II** | **Chăn nuôi** |
| **1** | **Gia súc:**Bò, lợn. |
| **2** | **Gia cầm:**Gà (thịt, trứng), vịt (thịt, trứng). |
| **III** | **Thủy sản** |
| **1** | **Nhóm giáp xác:**Cua, tôm sú, tôm thẻ. |
| **2** | **Các loại cá:**Cá trắm, thác lác, chình, dìa, nâu, đối, chẻm, mú, vẫu, hồng mỹ, điêu hồng, rô phi, kình, bớp, tầm. |
| **3** | **Nhóm động vật thân mềm:** Sò huyết, hàu, ốc hương. |
| **IV** | **Động vật lưỡng cư:**Ếch. |
| **V** | **Lâm nghiệp:** Giống cây lâm nghiệp |